

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:113/2021/DS-ST

Ngày 16/9/ 2021

V/V: "*Tranh chấp hợp đồng  
hợp tác bán hàng*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Môn

Bà Phạm Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST - DS ngày 15/8/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐST-DS ngày 31/8/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm 7, xã Ninh Hiệp, huyện GL, thành phố HN.

*Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn:* Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 267, Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố HN (Ông Q có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần LMTDVN.

Địa chỉ: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Hoàng Quang Q thống nhất trình bày:*

Qua người quen giới thiệu, bà T biết đến Công ty Cổ phần LMTDVN, được cung những tài liệu liên quan đến Công ty là Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mại cao lại không rủi ro. Do tin tưởng vừa được mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 22/05/2015, bà T tham gia ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 0092239/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDVN do ông Nguyễn Văn C – Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, bà T đã mua của công ty 30 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm Cao hồng sâm ), giá mỗi gói sản phẩm Cao hồng sâm là 9.888.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTDVN là 287.376.000 đồng. Sau khi mua hàng và nộp tiền vào công ty, công ty có đưa cho bà T 30 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho (nhưng không có phiếu thu nên không có phiếu thu nộp cho Tòa án).

Từ khi nộp tiền vào Công ty, bà T chưa lấy sản phẩm nào từ công ty nên hiện nay Công ty chưa trả bà Thủy 30 gói hàng. Số tiền bà T nộp vào mua hàng của Công ty Cổ phần LMTDVN là tiền riêng của bà T, không liên quan đến thành viên nào trong gia đình. Đối với những nhân viên (kế toán, thủ kho, người viết phiếu) của Công ty cổ phần LMTDVN mà bà T đã từng gặp, làm việc thì bà không nhớ họ tên là gì, năm sinh bao nhiêu, địa chỉ ở đâu. Bà T đề nghị Tòa án không triệu tập những người này tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ ngày nộp tiền mua các sản phẩm trên đến nay, bà T chưa được nhận bất cứ tri ân nào. Đến năm 2017, bà T phát hiện ra ngày 11/7/2016 Công ty cổ phần LMTDVN đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường. Nay bà T yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả cho bà số tiền 287.376.000 đồng tương đương 30 gói hàng đã mua nhưng chưa được trả sản phẩm. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ngày 14/9/2021, đại diện theo ủy Q của bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, trị giá mỗi hóa đơn là 6.800.000 đồng với tổng số tiền là 20.400.000 đồng.

*Bị đơn Công ty Cổ phần LMTDVN đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTDVN không đến Tòa án làm việc và không*

cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Việc đại diện bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ là từ bỏ Q và nghĩa vụ của mình.

*Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2020, đại diện Ủy ban nhân dân phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau:* Công ty cổ phần LMTDVN vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương và tài liệu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp cho Tòa án liên quan đến Công ty cổ phần LMTDVN, bao gồm:*

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTDVN không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng

nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTDVN không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Hoàng Quang Q có đơn xin xét xử vắng mặt và ngày 14/9/2021 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, xin rút yêu cầu khởi kiện đối với 03 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho có trị giá 20.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy Q của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả cho bà T số tiền 266.976.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả bà số tiền 20.400.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án: Ngày 22/5/2015, Công ty cổ phần LMTDVN và bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0092239/HĐ-LMTD, thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, bà T có nợ tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTDVN nhưng đến nay chưa được giao số hàng đã mua. Bà T đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên bà T khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa bà T với Công ty cổ phần LMTDVN là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Do vậy, cần xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp*

*hợp đồng hợp tác bán hàng*)”. Bị đơn Công ty cổ phần LMTDVN có địa chỉ trụ sở tại Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả bà 287.376.000 đồng (giá trị 30 gói hàng đã mua), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 22/05/2015, bà T ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0092239/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDVN là trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Theo bà T trình bày bà đã mua của công ty 30 gói hàng (sản phẩm Cao hồng sâm ), giá mỗi gói sản phẩm Cao hồng sâm là 9.888.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTDVN là 287.376.000 đồng. Bà T chưa được lấy sản phẩm nào từ Công ty nên hiện nay Công ty chưa trả cho bà T 30 gói sản phẩm bà gồm 30 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho sản phẩm Cao hồng sâm. Bà T yêu cầu Công ty cổ phần LMTDVN phải trả bà 287.376.000 đồng tương đương giá trị của 30 gói hàng đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Tuy nhiên, ngày 14/09/2021, đại diện theo ủy Q của bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 3 phiếu thu kiêm hóa đơn xuất kho có trị giá 20.400.000 đồng. Đến nay, bà T chỉ yêu cầu Công ty cổ phần LMTDVN trả bà số tiền theo 27 phiếu thu kiêm hóa đơn xuất kho sản phẩm Cao hồng sâm, mỗi phiếu có trị giá 9.888.000 đồng với tổng số tiền là 266.976.000 đồng. Căn cứ tài liệu bà T giao nộp là 27 phiếu thu kiêm hóa đơn xuất kho trị giá 266.976.000 đồng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả bà T số tiền 266.976.000 đồng.

[3.2] Đối với việc đại diện theo ủy Q của bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 217 BLTTDS để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.400.000 đồng.

[3.3] Do bà T chỉ yêu cầu Công ty thanh toán trả bà số tiền gốc bà đã mua sản phẩm Cao hồng sâm mà không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi trong vụ án này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà T không phải chịu án phí nên hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả bà Nguyễn Thị T số tiền 266.976.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDVN phải trả bà số tiền 20.400.000 đồng.

3. Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu 13.348.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.180.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002506 ngày 28/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Thanh Quyên**